

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thuý Huyền
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG
HỒNG**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thuý Huyền
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thúy Huyền

Mã SV: 1112401105

Lớp: QT1506K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.
 - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng, sử dụng số liệu năm 2014.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng
 - Địa chỉ: 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Giảng viên Phạm văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Cơ quan công tác: Khoa Quản Trị Kinh Doanh.

- Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng..... năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:
 - Điểm chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.2. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh....	5
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản	5
1.2.1.1. Doanh thu	5
1.2.1.2. Chi phí	7
1.2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	9
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
1.3.2. Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ	10
1.3.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.3.3.1. Chiết khấu thương mại – Tài khoản 521	12
1.3.3.2. Hàng bán bị trả lại – Tài khoản 531	12
1.3.3.3. Giảm giá hàng bán- tài khoản 532.....	12
1.3.4. Kế toán giá vốn hàng bán	13
1.3.5. Kế toán chi phí bán hàng	17
1.3.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	17
1.3.7. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.....	20
1.3.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
1.3.7.2. Kế toán chi phí tài chính.....	20
1.3.8. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	23
1.3.8.1. Kế toán thu nhập khác	23
1.3.8.2. Kế toán chi phí khác	23

1.3.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	23
1.3.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	27
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái	27
1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	28
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	29
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG.....	31
2.1. Tổng quan về công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	32
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	32
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán kế toán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	35
2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty	36
2.1.6. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản	36
2.1.7. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	37
2.1.8. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	38
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	38
2.2.1. Kế toán doanh thu BH tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	38
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	47
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	54

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.....	62
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	71
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG	
83	
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	83
3.1.1. Ưu điểm	83
3.1.2. Nhược điểm	84
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	85
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	85
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.	85
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.	86
3.2.3.1. Ý kiến 1: Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm	86
3.2.3.2. Ý kiến 2: Hoàn thiện về việc tăng cường công tác thu hồi nợ.....	88
3.2.3.3. Ý kiến 3: Hoàn thiện về sổ sách kế toán	89
3.2.3.4. Ý kiến 4: Hoàn thiện về việc trích lập phải thu khó đòi	92
3.2.3.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về việc ứng dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán tại công ty	96
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	13
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	15
Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán và chi phí quản lý doanh nghiệp	19
Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	22
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH in và quảng cáo	33
Trường Hồng	33
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng	35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ	37
Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán	47
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN	55
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu HĐ TC và chi phí tài chính .	62
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	73

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000698	41
Biểu số 2.2: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	42
Biểu số 2.3: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.....	43
Biểu số 2.4: Trích chứng từ ghi sổ	44
Biểu số 2.5: Trích sổ đăng ký CTGS	45
Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511	46
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho.....	49
Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.....	50
Biểu số 2.9: Trích chứng từ ghi sổ	51
Biểu số 2.10: Trích sổ đăng ký CTGS	52
Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 632	53
Biểu số 2.12: Trích bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội	56
Biểu số 2.13: Trích chứng từ ghi sổ	57
Biểu số 2.14: Trích chứng từ ghi sổ	58
Biểu số 2.15: Trích sổ đăng ký CTGS	59
Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 641	60
Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 642	61
Biểu số 2.18: Giấy báo có	64
Biểu số 2.19: Trích chứng từ ghi sổ	65
Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 515	66
Biểu số 2.21: Phiếu chi.....	67
Biểu số 2.22: Trích chứng từ ghi sổ	68
Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 635	69
Biểu số 2.24: Trích sổ đăng ký CTGS	70
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán.....	74
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán.....	75
Biểu số 2.27: Trích chứng từ ghi sổ	76
Biểu số 2.28: Trích chứng từ ghi sổ	77
Biểu số 2.29: Trích sổ đăng ký CTGS	78
Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911	79
Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 821	80
Biểu số 2.32: Trích sổ cái TK 421	81
Biểu số 2.33: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	82

Bảng 3.1: Sổ chi tiết TK 511	90
Bảng 3.2: Sổ chi tiết TK 632.....	91
Bảng 3.3: Bảng tổng hợp công nợ.....	95

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất, và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. sản xuất các sản phẩm hàng hóa mà thị trường đang cần với chất lượng tốt, giá thành sản phẩm tốt, đẩy nhanh tiêu thụ thu tiền về, tăng quay vòng vốn. Muốn đạt được điều đó, doanh nghiệp phải cải tiến, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, áp dụng những thành tựu khoa học mới, tiên tiến trên thế giới để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tiêu thụ nhanh gọn... và quan tâm tới công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo để đưa ra những phương án tối ưu cho sản xuất kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét hệ thống kế toán nói chung, từ đó rút ra được những ưu điểm, khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, đưa ra những biện pháp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm mang lại hiệu quả cao hơn và hoàn thiện hệ thống kế toán của doanh nghiệp để thực hiện việc quản lý kế toán của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

3. Đối tượng nghiên cứu

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tập hợp, kết chuyển liên quan tới các loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập những chứng từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

- Tham khảo ý kiến của các anh chị trong phòng kế toán tại công ty.
- Ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- Tham khảo sách báo và tài liệu khác có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Thu thập các số liệu từ các chứng từ gốc có liên quan đến đề tài nghiên cứu từ đó tổng hợp vào sổ các tài khoản có liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh.

- Dựa trên số liệu có sẵn đã phát sinh tại công ty để phân tích những ưu nhược điểm trong công tác tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh để nắm rõ hơn vấn đề cần nghiên cứu và tìm ra nguyên nhân cũng như biện pháp khắc phục.

5. Kết cấu đề tài nghiên cứu:

Đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

Chương 3: một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****• Đối với doanh nghiệp**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Giúp doanh nghiệp có cái nhìn tổng hợp và chi tiết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giúp doanh nghiệp thấy được ưu điểm và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra những phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp cho các kỳ tiếp theo.

- Xác định hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.

- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

• Đối với nhà nước

Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với nhà nước:

- Cơ quan thuế xác định được các khoản thuế phải thu đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp.

• Đối với nhà đầu tư

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tổ chức ghi chép theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và đơn đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.

- Phản ánh: Ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt số lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời lập báo cáo tiêu thụ.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí vận dụng các phương pháp kế toán (Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Tiến hành tập hợp phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

- Phân tích đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

1.2. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu bên ngoài giá bán(nếu có).

✓ **Doanh thu bán hàng**

• Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chính xác.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• Thời điểm ghi nhận doanh thu

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận vào doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức ký gửi đại lý: thời điểm ghi nhận doanh thu là kỳ nhận báo cáo bán hàng do bên đại lý ký gửi.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

Theo phương thức này khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (tài khoản 511) mà được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (tài khoản 515). Doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức bán hàng đổi trả

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa tương ứng trên thị trường.

✓ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty hay tổng công ty.

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ **Thu nhập khác:** là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên.

✓ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Hàng bán bị trả lại: Là trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Thuế GTGT tính theo phương thức trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là thuế tiêu dùng đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục quy định chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của nhà nước.

- Thuế xuất khẩu: được đánh vào tất cả các mặt hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu sang quốc gia khác.

1.2.1.2. Chi phí

Chi phí là tổng các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. chi phí bao gồm các khoản sau:

✓ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số thành phẩm, hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ- đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ Chi phí bán hàng: là toàn bộ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TCSĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

✓ Chi phí hoạt động tài chính: là những chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

✓ Chi phí khác: là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí sản xuất kinh doanh
---------------------------------------	---	-----------------	---	------------------	---	------------------	---	-----------------------------

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính - Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ Các chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường, hợp đồng kinh tế.

- Phiếu xuất kho, phiếu thu

- Giấy báo có của ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan

✓ Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ Tài khoản 511 có 7 tài khoản cấp 2:

TK 5111- Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

❖ Kết cấu tài khoản 511

• Bên Nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa của dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

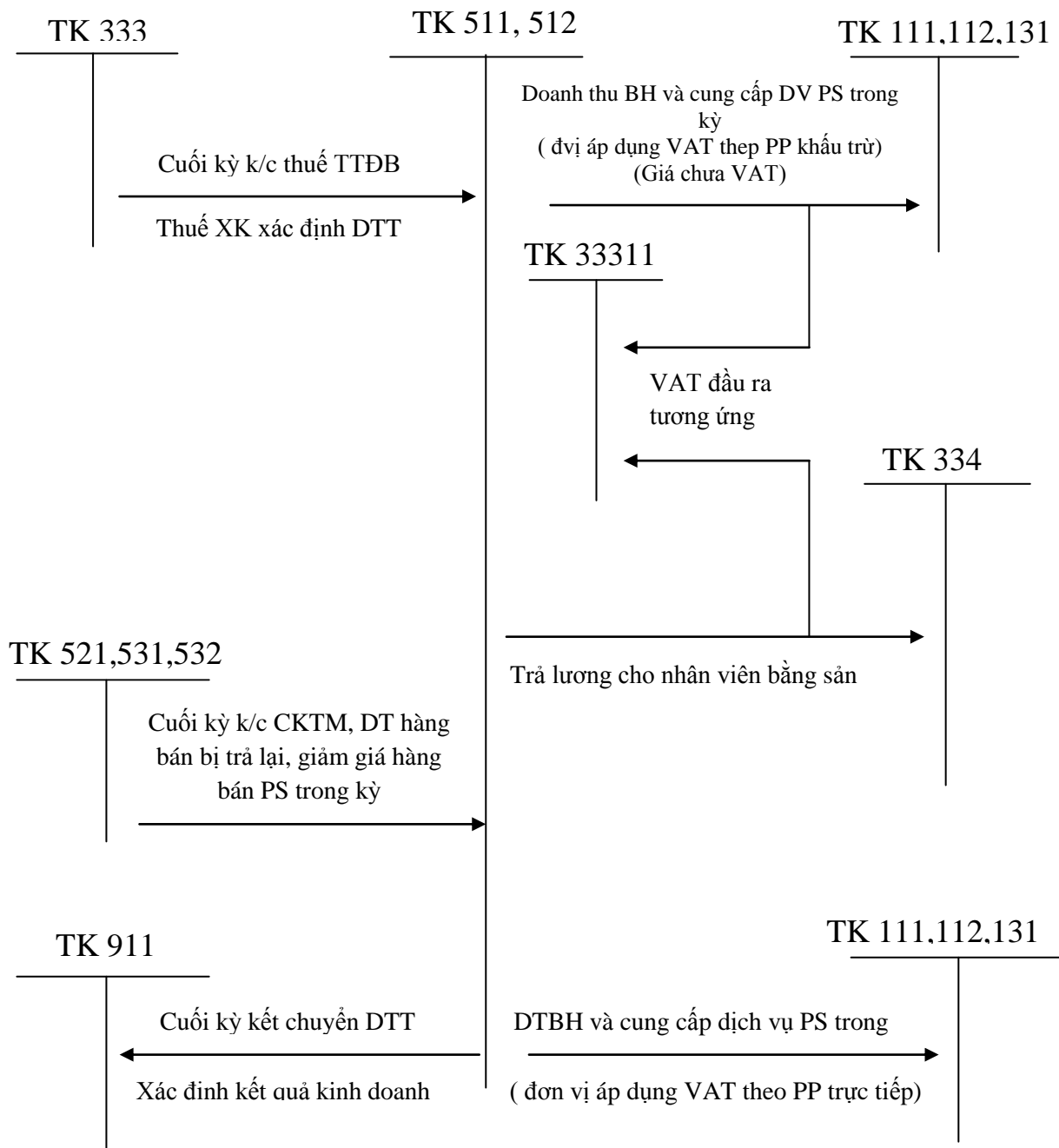
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả KD".
 - Bên Có
 - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
 - TK 511 không có số dư

1.3.2. Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ

- ✓ Tài khoản sử dụng
- TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ
- ❖ Kết cấu tài khoản 512
 - Bên Nợ
 - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
 - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
 - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
 - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911.
 - Bên Có
 - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
 - TK 512 không có số dư
- ❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.3.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng mua bán hàng hóa
 - Phiếu chi
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ khác có liên quan.

1.3.3.1. Chiết khấu thương mại – Tài khoản 521

- ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 521- chiết khấu thương mại
- ✓ Kết cấu tài khoản 521
 - Bên Nợ
 - Số chiết khấu thương mại
 - Số giảm giá cho khách hàng chưa có VAT
 - Bên Có
 - Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
- TK 521 không có số dư

1.3.3.2. Hàng bán bị trả lại – Tài khoản 531

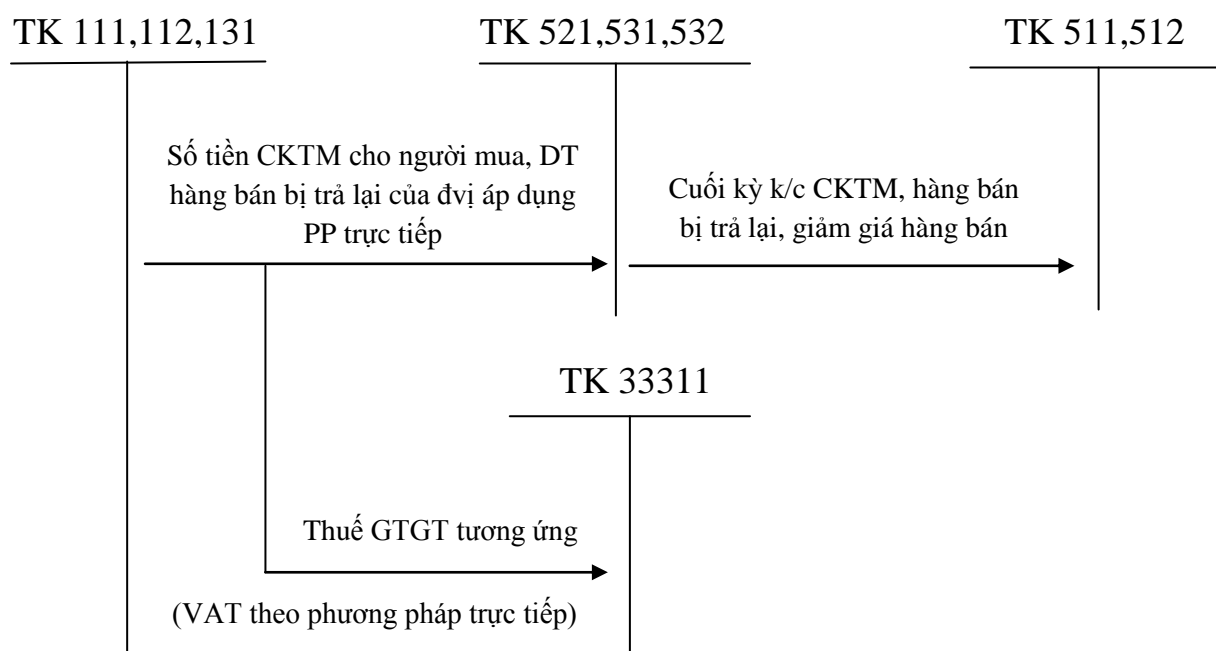
- ✓ Kết cấu tài khoản 531
 - Bên Nợ
 - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.
 - Bên Có
 - Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
- TK 531 không có số dư

1.3.3.3. Giảm giá hàng bán- tài khoản 532

- ✓ Kết cấu tài khoản 532
 - Bên Nợ
 - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
 - Bên Có
 - K/c toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 521.

- TK 532 không có số dư
- ✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.3.4. Kế toán giá vốn hàng bán

- ✓ Các phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này, hàng được xác định trị giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì sẽ được xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá bình quân giá quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế cả hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

• Phương pháp nhập trước- xuất trước(FIFO): Theo phương pháp này hàng nào nhập về trước sẽ xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng lượng hàng. Trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ được coi là số hàng nhập lần đầu tiên.

• Phương pháp nhập sau- xuất trước(LIFO): Theo phương pháp này, hàng nào nhập về sau cùng sẽ xuất ra trước tiên, xuất hết số nhập sau cùng đó đến số nhập ngay trước đó. Phương pháp này ngược với phương pháp nhập trước xuất trước.

✓ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ Tài khoản sử dụng

TK 632- Giá vốn hàng bán

✓ Kết cấu tài khoản 632

• Bên Nợ:

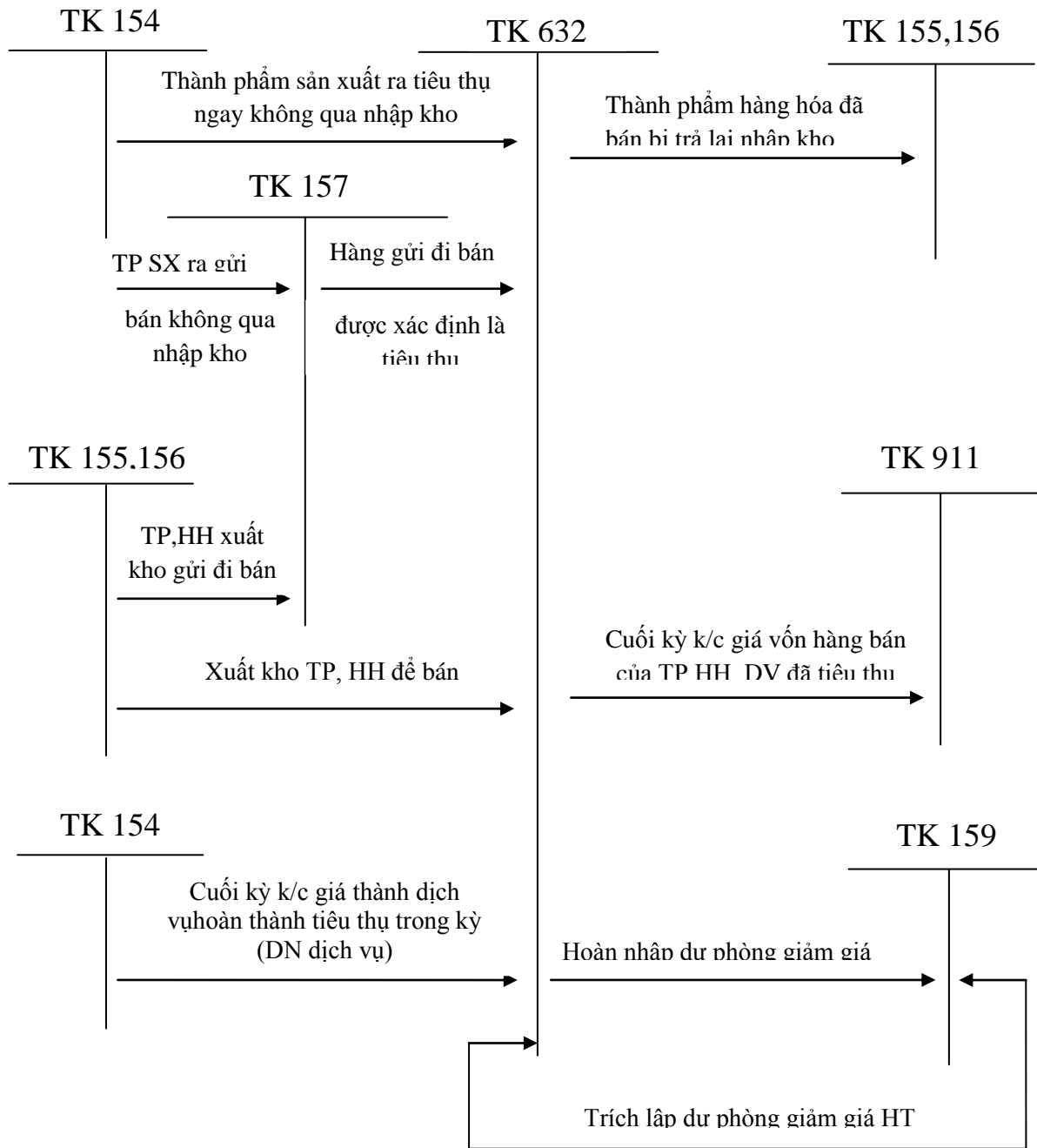
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ.

- Các khoản hao hụt mất mát hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường của người gây ra

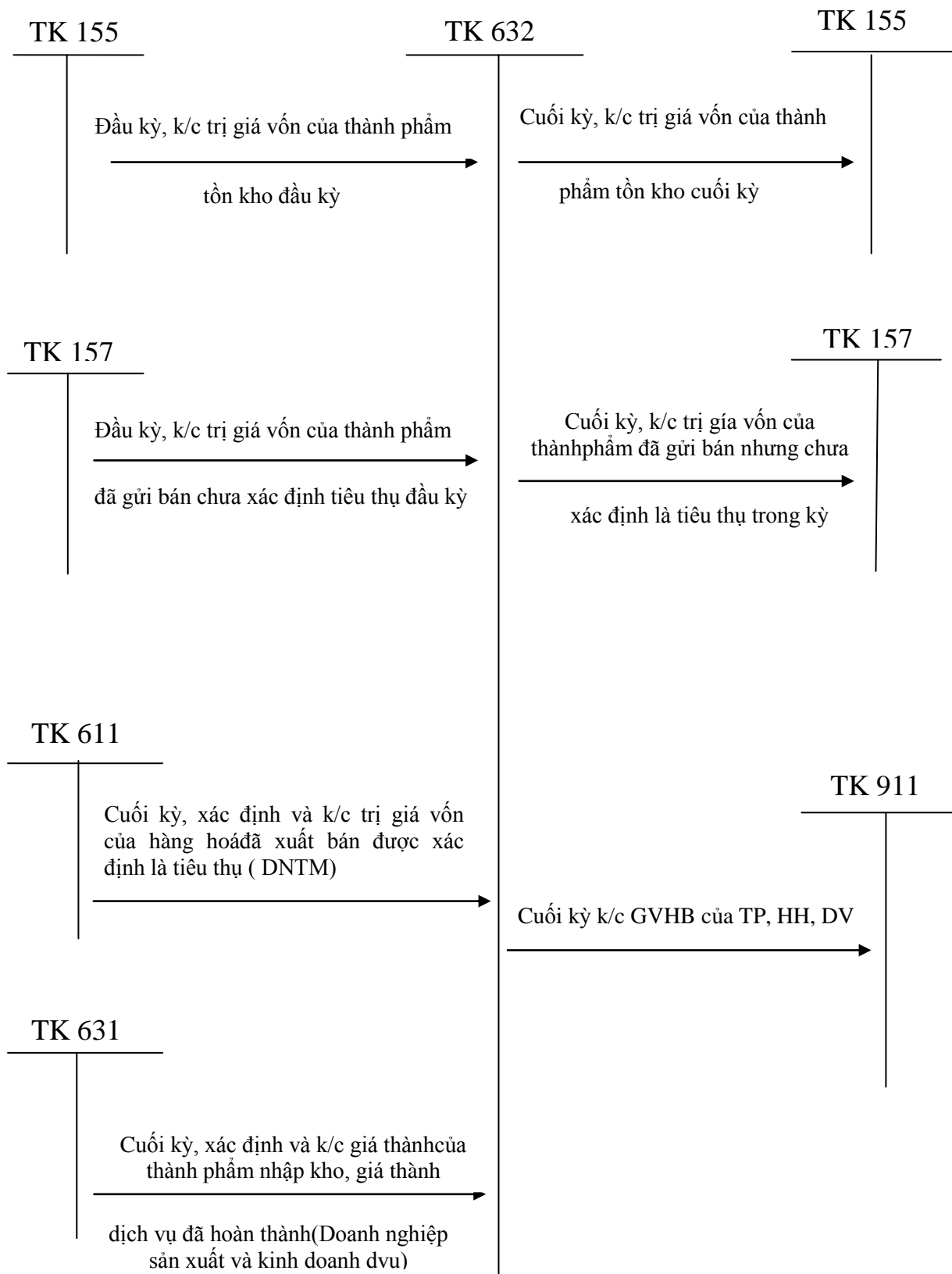
- Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước.

- Bên Có:
 - Các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán.
 - Kết chuyển giá bán hàng đã tiêu thụ sang TK 911
 - TK 632 không có số dư
- ✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.5. Kế toán chi phí bán hàng

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi, giấy báo nợ
 - bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
 - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

- ✓ Tài khoản sử dụng

TK 641- Chi phí bán hàng, có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6411- Chi phí nhân viên

TK6412- Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413- Chi phí dụng cụ- đồ dùng

TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415- Chi phí bảo hành

TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418- Chi phí bằng tiền khác

- ✓ Kết cấu TK 641

- Bên Nợ

Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Bên Có

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- TK 641 không có số dư

1.3.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Giấy đề nghị thanh toán
 - Phiếu chi
 - Giấy ủy nhiệm chi
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường

- ✓ Tài khoản sử dụng

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421- Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425- Thuế, phí và lệ phí

TK 6426- Chi phí dự phòng

TK6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428- Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu tài khoản 642

- Bên Nợ

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Bên Có

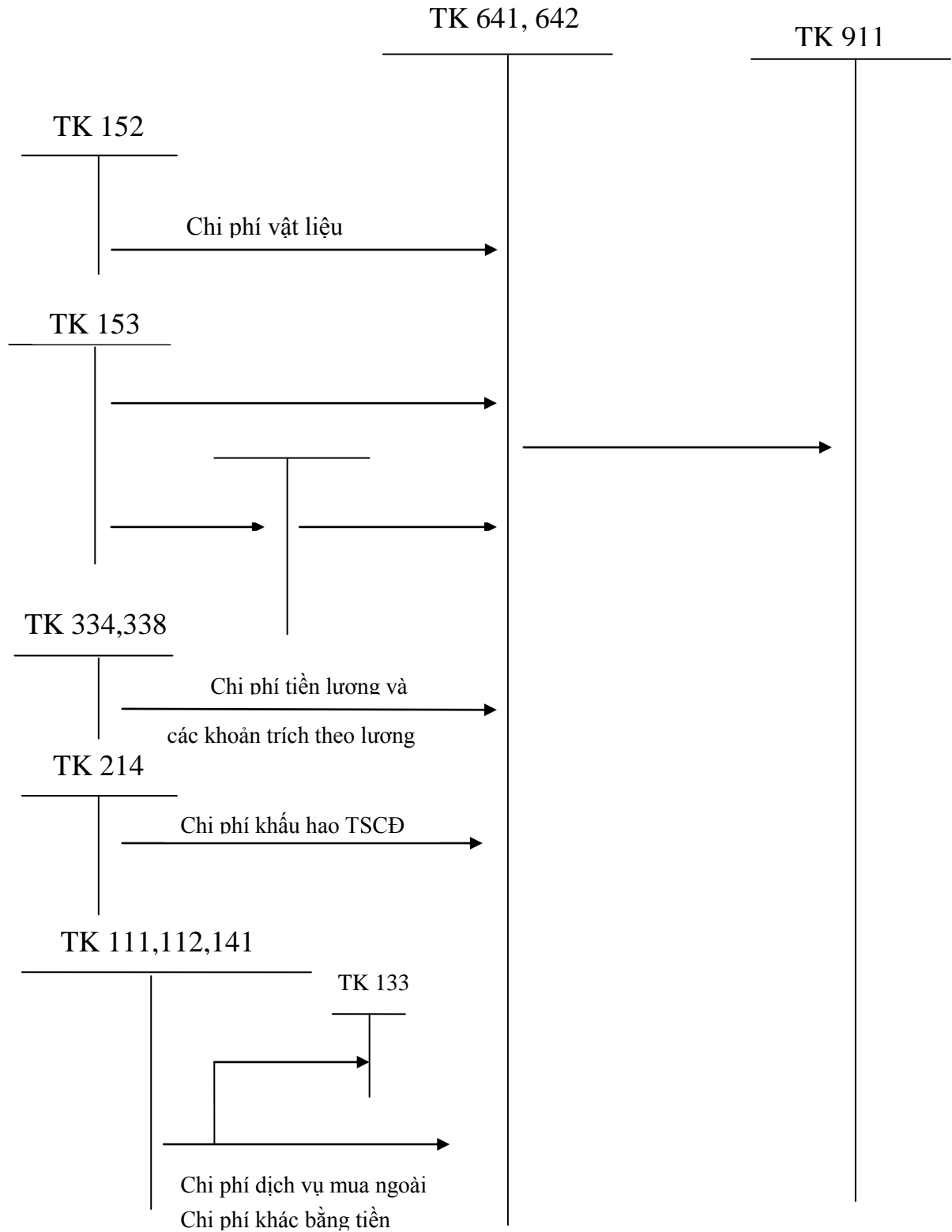
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(chênh lệch giữa số phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911.

- TK 642 không có số dư

✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.7. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

1.3.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo lãi
 - Giấy báo có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan.

- ✓ Tài khoản sử dụng

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

- ✓ Kết cấu tài khoản 515

- Bên Nợ

- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

- Bên Có

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, hoặc khi bán ngoại tệ, hoặc do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

- TK 515 không có số dư

1.3.7.2. Kế toán chi phí tài chính

- ✓ Chứng từ sử dụng

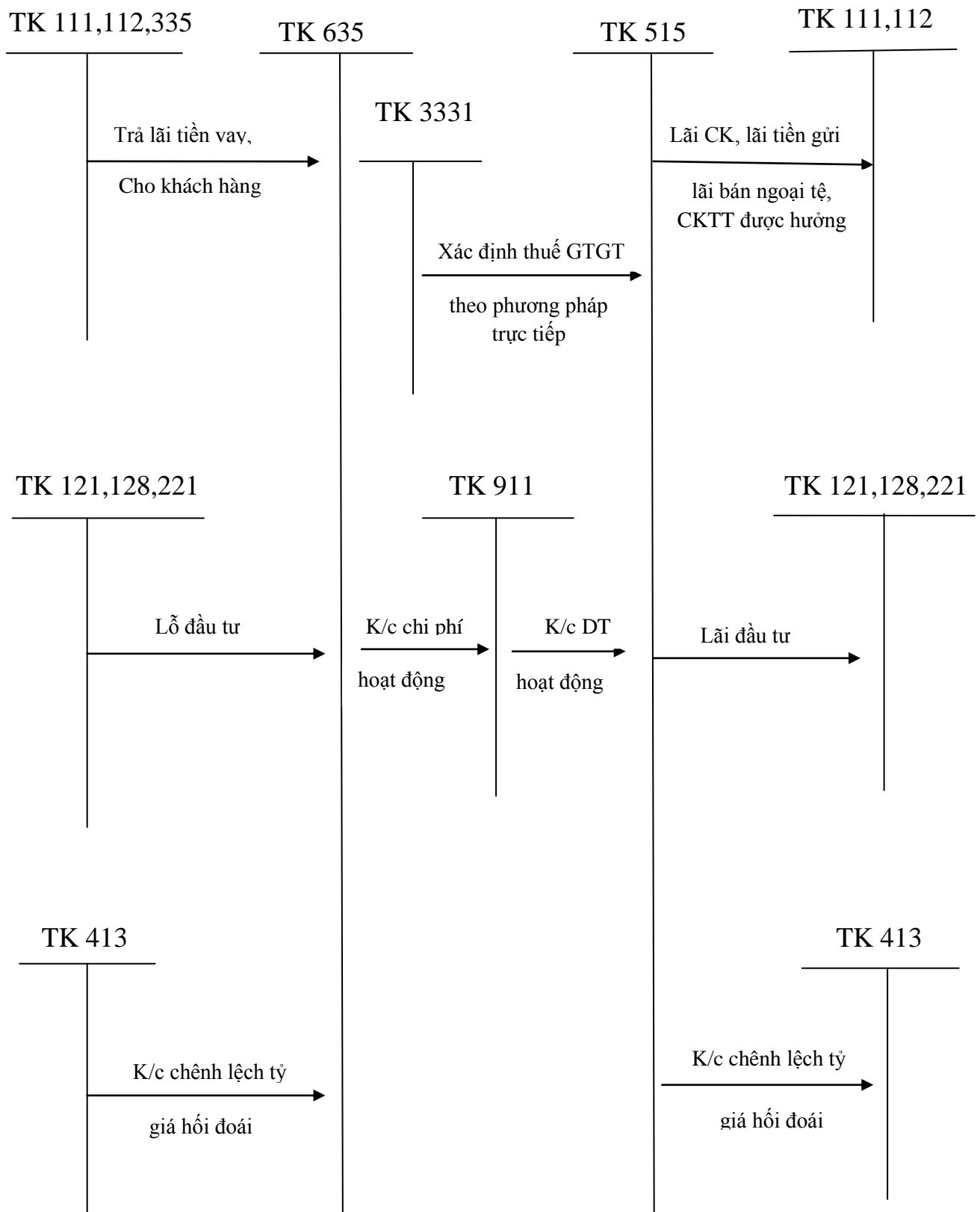
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan như hợp đồng vay vốn, bảng tính lãi...

- ✓ Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí tài chính

- ✓ Kết cấu tài khoản 635

- Bên Nợ
 - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
 - Lỗ bán ngoại tệ.
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua.
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- TK 635 không có số dư
- ✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.3.8. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác**1.3.8.1. Kế toán thu nhập khác**

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 711- Thu nhập khác
- ✓ Kết cấu TK 711
 - Bên Nợ
 - Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp.
 - Cuối K/c các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.
 - Bên Có
 - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
 - TK 711 không có số dư

1.3.8.2. Kế toán chi phí khác

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, Ủy nhiệm chi
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ có liên quan khác
- ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 811- Chi phí khác
- ✓ Kết cấu TK 811
 - Bên Nợ
 - Các khoản chi phí khác phát sinh
 - Bên Có
 - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
 - TK 811 không có số dư

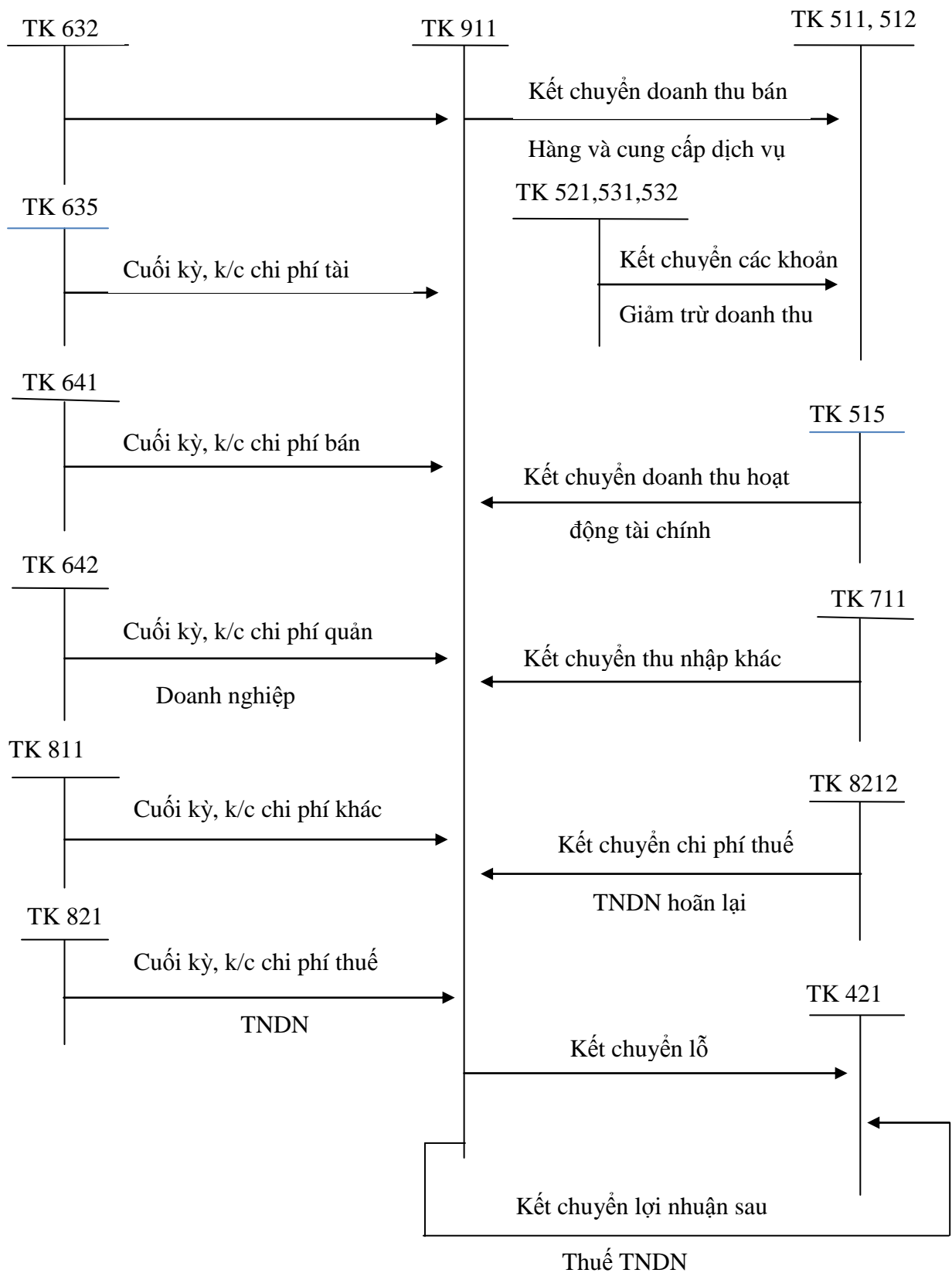
1.3.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan
 - ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - TK 821 không có số dư cuối kỳ và có các tài khoản cấp 2 sau:
 - TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - TK 8212- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại
 - ✓ Kết cấu TK 821
 - Bên Nợ
 - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ.
 - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành năm hiện tại.
 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả(là số chênh lệch thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
 - Bên Có
 - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
 - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
 - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
 - TK 811 không có số dư
- 1.3.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**
- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
 - ✓ Kết cấu TK 911
 - Bên Nợ
 - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác
- Chi phí thuế TNDN
- Kết chuyển lãi
- Bên Có
- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác
- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN
- Kết chuyển lỗ
- TK 911 không có số dư
- ✓ TK 421- Kợi nhuận chưa phân phối
- Kết cấu TK 421
- Bên Nợ
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư.
- Bổ sung vốn kinh doanh
- Lợi nhuận nộp
- Bên Có
- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù
- Xử lý các khoản các lỗ về hoạt động kinh doanh
- ✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để ghi chép và hệ thống hóa thông tin kế toán, mỗi doanh nghiệp sử dụng một loại hình thức sổ kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp.

Hiện nay, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Nhật ký chung
- Nhật ký sổ cái
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký – chứng từ
- Kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi và sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

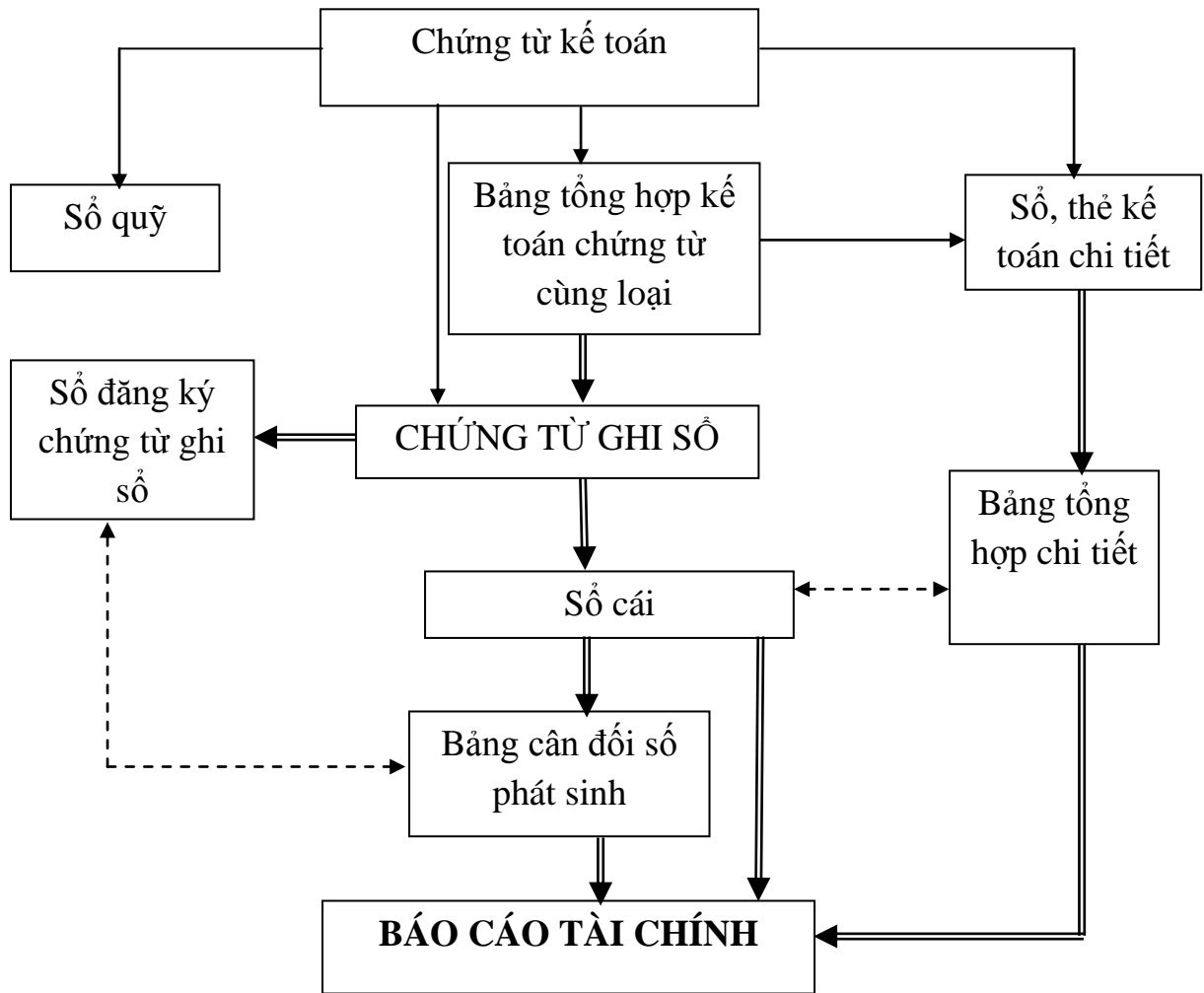
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế(theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký- sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký- sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký- sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu kiểm tra ↔

Đặc trưng cơ bản:

- Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

• Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy định ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký – chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây, Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, Nhật ký- sổ cái...) và các sổ,thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN
VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG****2.1. Tổng quan về công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng**

- Tên công ty: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng
- Địa chỉ công ty: 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng
- Địa chỉ nhà máy: Đông Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Điện thoại: 0313744177
- Fax:0313728739

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Thành lập năm 1995 với tiền thân là cơ sở sản xuất in ấn, sau 8 năm hoạt động và phát triển, Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng chính thức thành lập vào năm 2003 với sứ mệnh là 1 trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực in ấn và sản xuất bao bì tại Hải Phòng. Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, trợ giúp mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây, các hoạt động của công ty tương đối khả quan.

Công ty đã nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện trong lĩnh vực quản lý như: Quản lý nhân sự, chất lượng sản phẩm, cải tiến thiết kế mẫu hàng, thay đổi phương thức tiếp thị, tăng cường khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay từ công đoạn nhập nguyên phụ kiện tới khi sản phẩm được giao cho khách hàng sử dụng. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động ổn định và có những thay đổi đáng kể so với ban đầu. Công ty đang có kế hoạch gia tăng sản lượng cho những năm tới, cố gắng xây dựng thương hiệu.

Năm 1995 do mới thành lập công ty, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, tay nghề công nhân còn yếu nên năng suất thấp, hàng hóa lỗi hỏng nhiều, công ty kinh doanh liên tục bị thua lỗ do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có lâu nên tình hình tài chính khó khăn.

Năm 2003 với nỗ lực đổi mới công nghệ, phương thức kinh doanh, nâng cao tay nghề cho công nhân, đào tạo cán bộ, tổ chức lại bộ máy quản lý... tình hình kinh tế tại công ty được phục hồi và trở thành một trong những đơn vị đi

đầu trong lĩnh vực in ấn và sản xuất bao bì tại Hải Phòng. Và thu được nhiều thành quả đáng kể: quy mô sản xuất ngày càng mở rộng...

Những năm gần đây, công ty nhận được nhiều đơn đặt hàng của khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất công ty tăng cường đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất. Các khâu bán hàng, marketing cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Vì vậy mà sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều người ưu chuộng, uy tín của công ty được nâng cao.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Công ty được thành lập với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và tham gia vào các loại hình kinh doanh theo pháp luật.

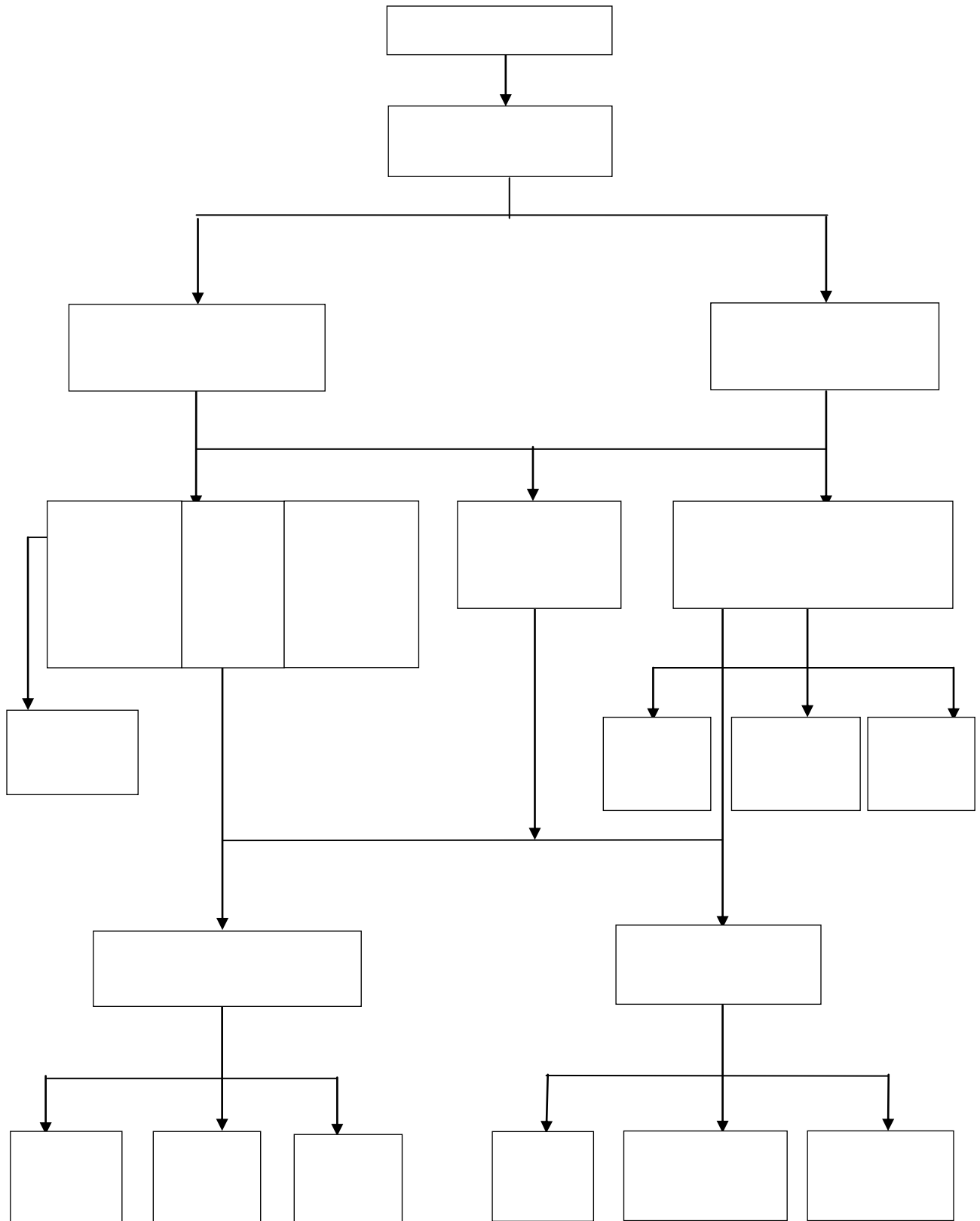
Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

- In hộp carton 3,5,7 lớp, bán phôi cho các cơ sở in.
- In hộp mỹ phẩm, đồ chơi... trên các loại giấy duplex, giấy bạc...
- In ấn các loại catalogue, bưu ảnh, lịch, tờ rơi, tem mác và hóa đơn GTGT.
- In trên đồng, nhôm, nhựa, meka, in trên cốc chén và các chất liệu khác...
- Hoàn thiện sau khi in: đóng, xén, bế, cán UV, ép trang kim.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH in và quảng cáo

Trường Hồng



Nhiệm vụ, chức năng chính của các phòng ban:

- **Tổng Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty, giữ vai trò lãnh đạo chung trong công ty, là đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, đại diện cho toàn bộ quyền lợi của cán bộ, công nhân viên trong công ty, chịu trách nhiệm chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Có nhiệm vụ xem xét chung mọi hoạt động của công ty, phân công quản lý trực tiếp các bộ phận cấp dưới, ký duyệt những văn bản chứng từ cần thiết, điều hoà điều phối những hoạt động của công ty trên phương diện tổng quan nhất.

- **Phó tổng giám đốc:** chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc. Là người điều hành trực tiếp các hoạt động cụ thể của các phòng ban, cùng các phó giám đốc quản lý hoạt động của doanh nghiệp, thực hiện các giao dịch của công ty trong quyền hạn.

Có quyền xem xét, quản lý hoạt động của các phòng ban, phân xưởng, các tổ sản xuất.

- **Các phó giám đốc:** Điều hành, giúp việc cho phó tổng giám đốc, quản lý trực tiếp các hoạt động của công ty và thực hiện các công việc đã được phân công trong quyền hạn.

- **Phòng kinh doanh:** Có chức năng quản lý hoạt động tiêu thụ sản phẩm, tìm hiểu thị trường, khai thác thị trường, mở rộng khách hàng mới.

- **Phòng kế toán tài chính:** Là một phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty về công tác tổ chức bộ máy quản lý kế hoạch, quản lý kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chỉ đạo công tác quản lý kinh tế tài chính.

+ Kiểm soát và thực hiện hạch toán kế toán tại công ty, theo dõi tình hình tài sản, việc sử dụng vốn của công ty, thực hiện đầy đủ công tác ghi chép sổ sách các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty. Chỉ đạo, đảm bảo cung cấp đầy đủ vốn kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh

+ Tập hợp tính toán chi phí sản xuất, tính giá thành của sản phẩm hoàn thành.

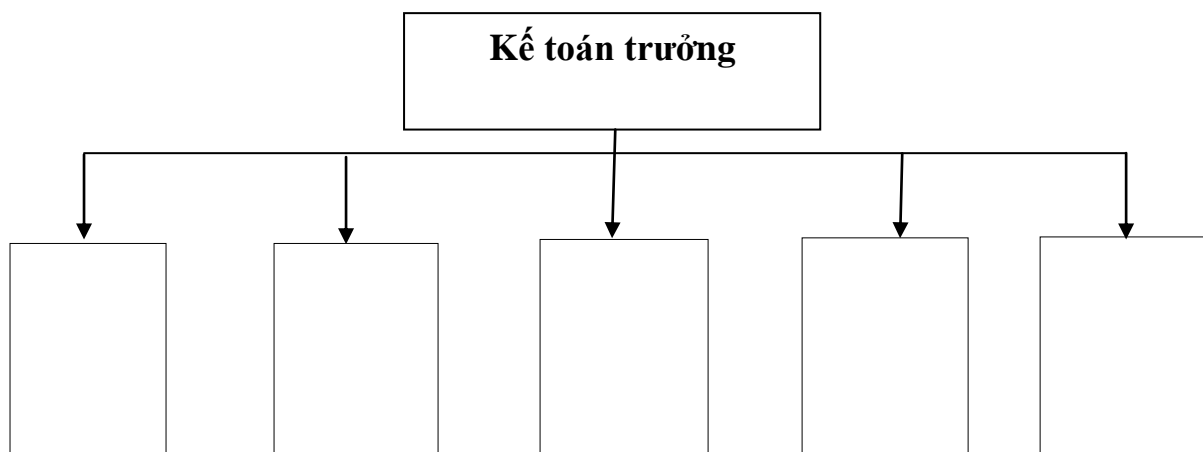
+ Lập dự toán kế hoạch, tính lương cho công nhân viên trong công ty

+ Bảo quản và lưu trữ các tài liệu kế toán.

- **Các tổ sản xuất:** chịu trách nhiệm gia công hoàn thiện các công đoạn của các sản phẩm, là lao động trực tiếp trong sản xuất sản phẩm. ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của sản phẩm.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán kế toán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng



Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của doanh nghiệp. chính vì thế việc phân cấp quản lý tài chính kế toán được công ty rất chú trọng.

Chức năng, nhiệm vụ của công nhân viên trong phòng tài chính kế toán của công ty:

❖ Kế toán trưởng:

- Bao quát chung toàn bộ diễn biến của các mặt tài chính của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc doanh nghiệp về công tác kế toán tài chính của công ty.
- Nộp báo cáo tài chính định kỳ.
- Lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên cho giám đốc tình hình chi tiêu tại công ty.
- Báo cáo những vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác đề xuất các giải pháp giải quyết các vướng mắc này.

❖ Kế toán tổng hợp

- Theo dõi chung các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính.

- Tổng hợp số liệu của các kế toán ở từng bộ phận cung cấp để vào sổ cái.
- Lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- ❖ Kế toán thanh toán:
 - Theo dõi công nợ khách hàng, các khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi, kê khai thuế GTGT đầu vào, đầu ra được chính xác kịp thời, đầy đủ, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.
- ❖ Kế toán vật liệu:
 - Theo dõi tình hình nhập xuất, số liệu tồn, tổng hợp chi phí về NVL.
- ❖ Kế toán giá thành
 - Tập hợp chi phí và tính giá thành, theo dõi nguồn vốn, tình hình tăng giảm TSCĐ, khấu hao, XDCB.
- ❖ Thủ quỹ:
 - Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt.
 - Quản lý, bảo quản tiền mặt.
 - Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
 - Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và sổ tồn quỹ trực tiếp.
 - Lập bảng lương và thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, theo dõi trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

Mối liên hệ của các phân hành tạo nên sự liên hoàn trong công việc, và là cơ sở việc sử dụng lao động của công ty đạt kết quả cao.

2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng là Việt Nam Đồng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.1.6. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản

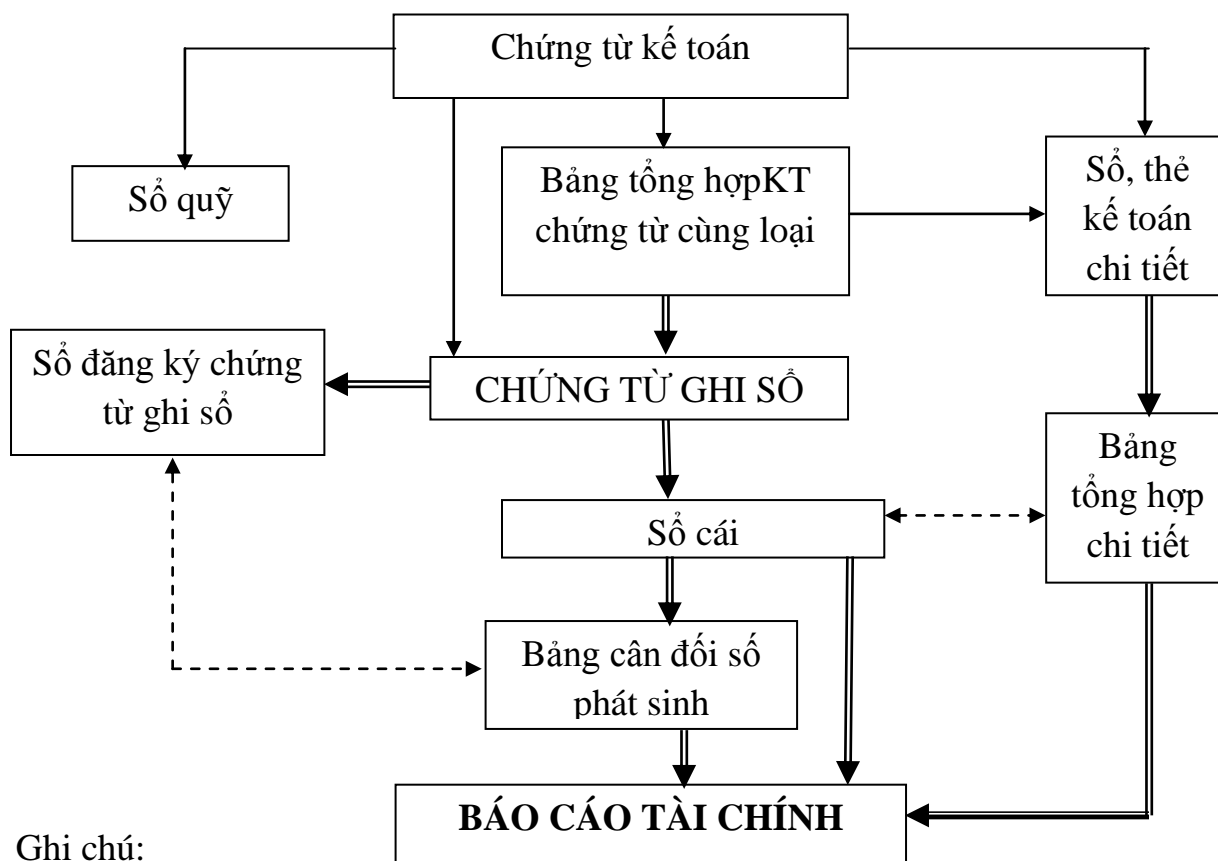
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2.1.7. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ để ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

Quy trình ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại và đồng thời vào các sổ thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng lấy các bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập bảng tổng hợp.

Cuối kỳ từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.8. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính. Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành lập các Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN)

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

2.2.1. Kế toán doanh thu BH tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được(do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

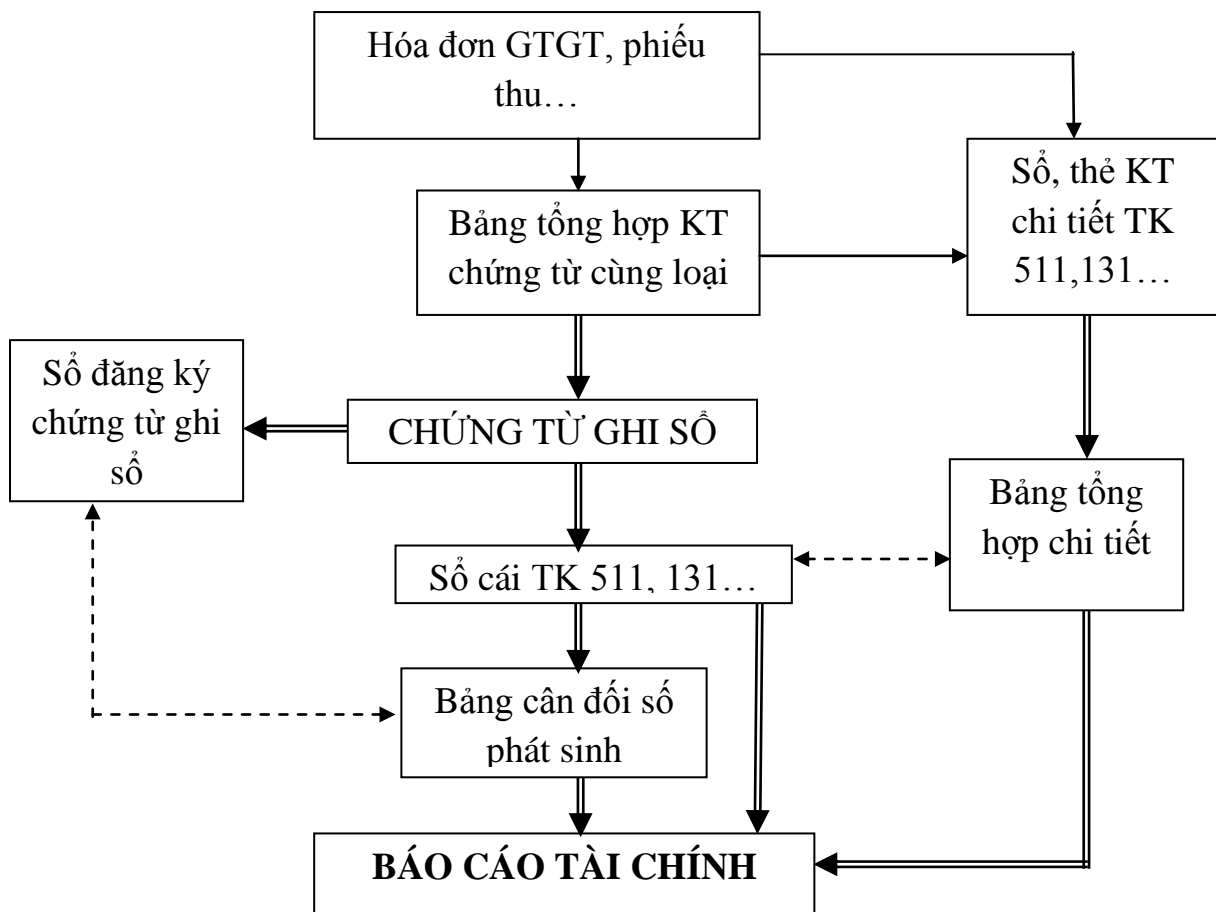
TK 333- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

TK 131- Phải thu của khách hàng

TK 111- Tiền mặt

TK 112- tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, phiếu xuất, thu, chi, HĐ GTGT vào sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 511.
- cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

Ví dụ 2.1: Ngày 19/12/2014 xuất kho lô hàng thùng carton 3L bán cho công ty TNHH IHOTECH Việt Nam theo hóa đơn số 0000698, tổng giá thanh toán 90.420.000 VND (đã bao gồm VAT 10%), giá vốn 69.300.000 VND. Khách hàng chưa thanh toán.

➤ Kế toán định khoản

a) Nợ TK 632: 69.300.000

Có TK 155: 69.300.000

b) Nợ TK 131: 90.420.000

Có TK 511: 82.200.000

Có TK 3331: 8.220.000

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán như phiếu xuất, phiếu thu, giấy báo có, HĐ GTGT... kế toán vào các bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ghi vào chứng từ ghi sổ. dựa vào các CTGS phát sinh kế toán vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái các TK.

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời lập BCTC.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000698**HOÁ ĐƠN GTGT**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Lưu nội bộ

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Số: **0000698**Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng**

Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200568329

Điện thoại: 0313.744.177

Fax: 0313728739

Số tài khoản: 117388999 Ngân hàng: Ngân hàng Á Châu – CN Thủy Nguyên

Họ tên người mua hàng: Phạm Thanh Thủy

Tên đơn vị: Công Ty TNHH IHOTECH Việt Nam

Địa chỉ: J1 – B Khu công nghiệp Nonura, Hải Phòng

Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....

Hình thức thanh toán: CK Mã số thuế:

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Thùng carton 3L	thùng	6.000	13.700	82.200.00
Cộng tiền hàng:.....					82.200.000
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:.....		8.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					90.420.000
Số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG

Địa chỉ: số 1054- Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK 131- phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH IHOTECH Việt Nam

Tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>55.144.280</u>	
					
19/12	HĐ0000698	19/12	Doanh thu bán hàng cho công ty	511	82.200.000		213.673.050	
19/12	HĐ0000698	19/12	VAT đầu ra	3331	8.220.000		221.893.050	
21/12	PT 548	21/12	Cty thu tiền hàng bằng tiền mặt	111		146.899.000	74.994.050	
						
			Cộng số phát sinh		653.112.000	531.322.000		
			Số dư cuối kỳ				<u>176.934.280</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.3: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

Đơn vị: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Địa chỉ: 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 131

Số chứng từ 18/12

Tháng 12 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có các tài khoản		Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		511	3331	
...			
HĐ0000698	19/12	Bán hàng chưa thu tiền cho cty TNHH IHOTECH Việt Nam	82.200.000	8.220.000	90.420.000
HĐ0000699	20/12	Bán hàng chưa thu tiền cửa hàng Đồng Linh	4.120.000	412.000	4.532.000
...	
		Cộng	827.890.070	82.789.007	974.893.040

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.4: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02a- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 21/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Bán hàng chưa thu tiền	131	511	827.890.070
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	82.789.007
Cộng			974.893.040

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.5: Trích sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02b- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	78.895.000
....
13/12	31/12	3.965.956.700
14/12	31/12	593.893.585
15/12	31/12	401.115.727
...
19/12	31/12	1.869.842.321
20/12	31/12	3.457.433.621
21/12	31/12	974.893.040
22/12	31/12	1.145.048.438
23/12	31/12	86.996.942
24/12	31/12	20.021.054
...
36/12	31/12	19.579.227.728
37/12	31/12	19.579.227.728
Cộng		126.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDĐK				
			
31/07	26/07	31/07	Bán hàng thu bằng tiền gửi NH tháng 7	112		675.430.580	
31/08	14/08	31/08	Bán hàng chưa thu tiền tháng 8	131		535.740.005	
				
31/12	16/12	31/12	Bán hàng thu bằng tiền mặt tháng 12	111		460.378.970	
31/12	21/12	31/12	Bán hàng chưa thu tiền tháng 12	131		827.890.070	
		
31/12	36/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV	911	19.530.447.184		
			Cộng phát sinh		19.530.447.184	19.530.447.184	
			SDCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

➤ Nội dung giá bán hàng bán tại công ty

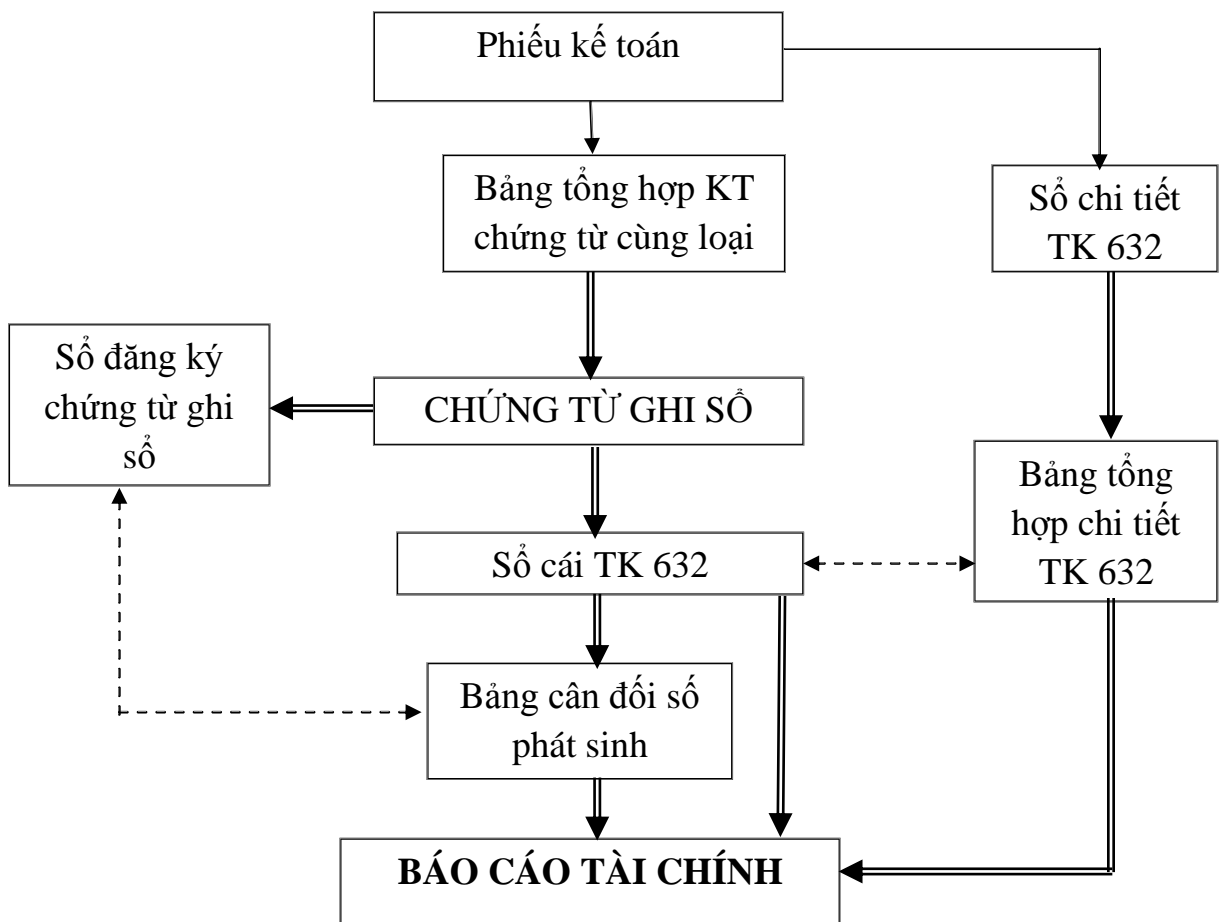
Giá vốn hàng bán của công ty là trị giá vốn của số thành phẩm xuất bán trong kỳ.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu xuất kho, nhập kho

➤ Tài khoản sử dụng: TK 632- giá vốn hàng bán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi định kỳ =====>

Đối chiếu kiểm tra <----->

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu xuất vào sổ thẻ kế toán chi tiết

- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 632.

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh đồng thời lập BCTC.

Ví dụ: minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1

Ngày 19/12/2014 xuất kho lô hàng 6.000 thùng carton 3L bán cho Công ty TNHH IHOTECH Việt Nam theo hóa đơn GTGT số 0000698, tổng giá thanh toán 90.420.000 VND(đã bao gồm VAT 10%), giá vốn 69.300.000 VND. Khách hàng chưa thanh toán.

➤ Kế toán định khoản

c) Nợ TK 632: 69.300.000

Có TK 155: 69.300.000

d) Nợ TK 131: 90.420.000

Có TK 511: 82.200.000

Có TK 3331: 8.220.000

- Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán sẽ hạch toán vào chứng từ ghi sổ, rồi vào sổ cái TK 632, đồng thời hạch toán vào sổ chi tiết TK 632.

- Tại thời điểm xuất kho, kế toán công ty tính được đơn giá xuất kho của thùng carton 3L theo phương pháp bình quân liên hoàn là 11.550 đồng/thùng.

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: 02 - VT
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

PHIẾU XUẤT KHO

số: 98/12

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Nợ TK 632

Có TK 155

Họ và tên người nhận hàng: công ty TNHH IHOTECH Việt Nam

Địa chỉ: J1 – B Khu công nghiệp Nonura, Hải Phòng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng carton 3L		thùng	6.000	6.000	11.550	69.300.000
	Cộng						69.300.000

Tổng số tiền (bằng chữ): sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(ký, họ tên)Người nhận hàng
(ký, họ tên)Thủ kho
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

Đơn vị: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Địa chỉ: 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 632

Số chứng từ 17/12

Tháng 12 năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK	Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		155	
...	
HĐ0000697	17/12	Xuất kho bán hàng cho công ty TNHH gồm xây dựng Đá Bạc	56.470.050	56.470.050
HĐ0000698	19/12	Xuất kho bán hàng cho cty TNHH IHOTECH Việt Nam	69.300.000	69.300.000
...	
		Cộng	1.145.048.438	1.145.048.438

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.9: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02a-DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 22/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Giá vốn hàng bán	632	155	1.145.048.438
Cộng			1.145.048.438

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: 02b-DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	78.895.000
....
13/12	31/12	3.965.956.700
14/12	31/12	593.893.585
15/12	31/12	401.115.727
...
19/12	31/12	1.869.842.321
20/12	31/12	3.457.433.621
21/12	31/12	974.893.040
22/12	31/12	1.145.048.438
23/12	31/12	86.996.942
24/12	31/12	20.021.054
...
36/12	31/12	19.579.227.728
37/12	31/12	19.579.227.728
Cộng		126.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1-DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDDK				
			...				
30/09	24/09	30/09	Giá vốn hàng bán tháng 9/2014	155	1.398.267.050		
31/10	19/10	31/10	Giá vốn hàng bán tháng 10/2014	155	1.641.109.163		
31/11	20/11	31/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2014	155	1.535.425.245		
31/12	22/12	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/2014	155	1.145.048.438		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		17.286.731.384	
			Cộng phát sinh		17.286.731.384	17.286.731.384	
			SDCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

➤ Nội dung chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, bao gồm chi phí quảng cáo, chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp, chi phí bằng tiền khác...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

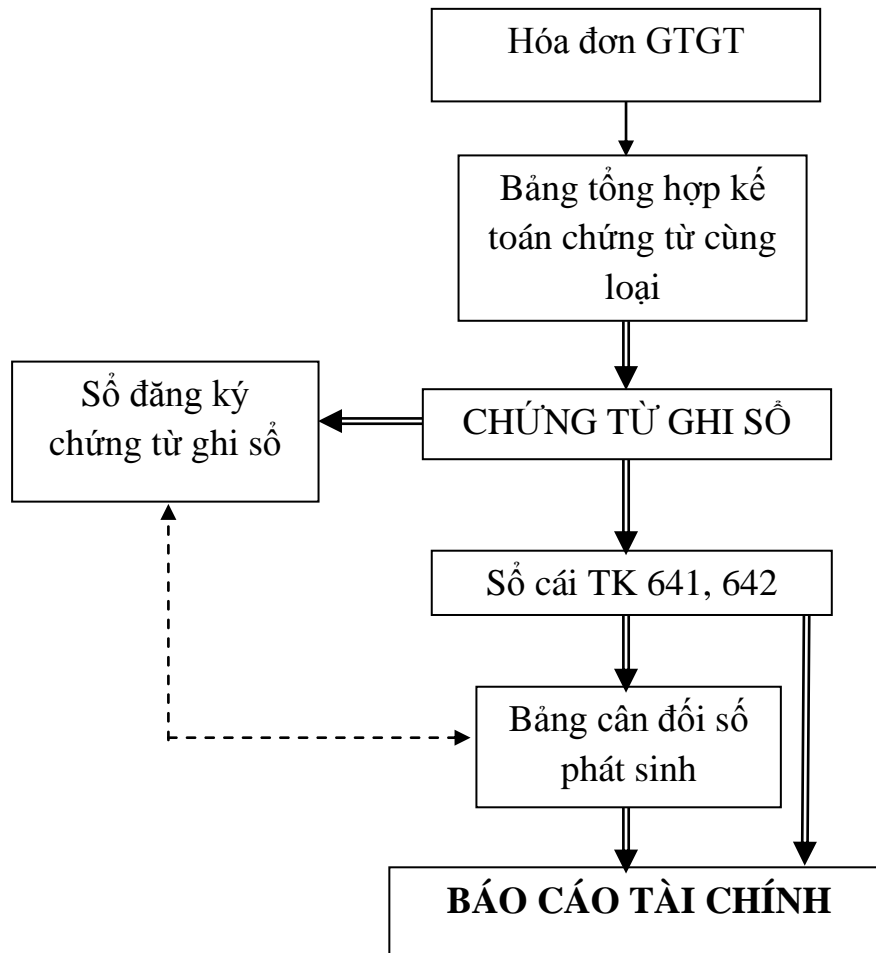
➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 641- Chi phí bán hàng
- TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu kiểm tra ←

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái các TK 641, 642.

- Cuối kỳ từ các sổ cái TK 641, 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời lập BCTC.

Ví dụ 2.2: căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 12/ 2014, kế toán lập CTGS, từ CTGS vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 641, 642.

Biểu số 2.12: Trích bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số: 11- LĐTL
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

STT	Đối tượng sử dụng	Phải trả người lao động			Phải trả, phải nộp khác				
		Lương	Các khoản khác	Cộng	BHYT	BHXH	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	C
1	Chi phí NCTT	160.600.000	0	160.600.000	4.818.000	28.908.000	1.606.000	3.212.000	38.544.000
2	Chi phí SXC	45.313.550	2.265.678	47.579.228	1.359.407	8.156.439	453.135	951.585	10.920.566
3	Chi phí bán hàng	24.714.511	1.235.723	25.950.234	741.435	4.448.612	247.145	519.005	5.956.197
4	Chi phí quản lý DN	58.381.468	2.665.240	61.046.708	1.751.444	10.508.664	583.815	1.220.934	14.064.857
	Cộng	289.009.529	6.166.641	295.176.170	8.670.286	52.021.715	2.890.095	5.903.524	69.485.620

Tổ trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 23/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Lương phải trả nhân viên bán hàng tháng 12	641	334	25.950.234
Lương phải trả nhân viên QLDN tháng 12	642	334	61.046.708
Cộng			86.996.942

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.14: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 24/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Các khoản trích theo lương tính vào CP SXKD	641	338	5.956.197
Các khoản trích theo lương tính vào CPSXKD	642	338	14.064.857
Cộng			20.021.054

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02b- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	78.895.000
....
13/12	31/12	3.965.956.700
14/12	31/12	593.893.585
15/12	31/12	401.115.727
...
19/12	31/12	1.869.842.321
20/12	31/12	3.457.433.621
21/12	31/12	974.893.040
22/12	31/12	1.145.048.438
23/12	31/12	86.996.942
24/12	31/12	20.021.054
...
36/12	31/12	19.579.227.728
37/12	31/12	19.579.227.728
Cộng		126.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 641

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SĐĐK				
	
31/12	15/10	31/10	Mua văn phòng phẩm tháng 10	111	385.000		
				
31/12	23/12	31/12	Lương NVBH tháng 12	334	25.950.234		
31/12	24/12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào CPSX tháng 12	338	5.956.197		
31/12	27/12	31/12	Trả tiền nước tháng 12	111	228.625		
		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí BH	911		214.065.620	
			Cộng phát sinh		214.065.620	214.065.620	
			SĐCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDDK				
	
30/09	19/09	30/09	Chi tiền tiếp khách	111	2.000.000		
				
31/12	23/12	31/12	Lương QLDN tháng 12	334	61.046.708		
31/12	24/12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào CPSX	338	14.064.857		
31/12	28/12	31/12	Trả tiền điện thoại	111	1.999.000		
		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		559.273.800	
			Cộng phát sinh		559.273.800	559.273.800	
			SĐCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

➤ Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng. Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay.

➤ Chứng từ sử dụng

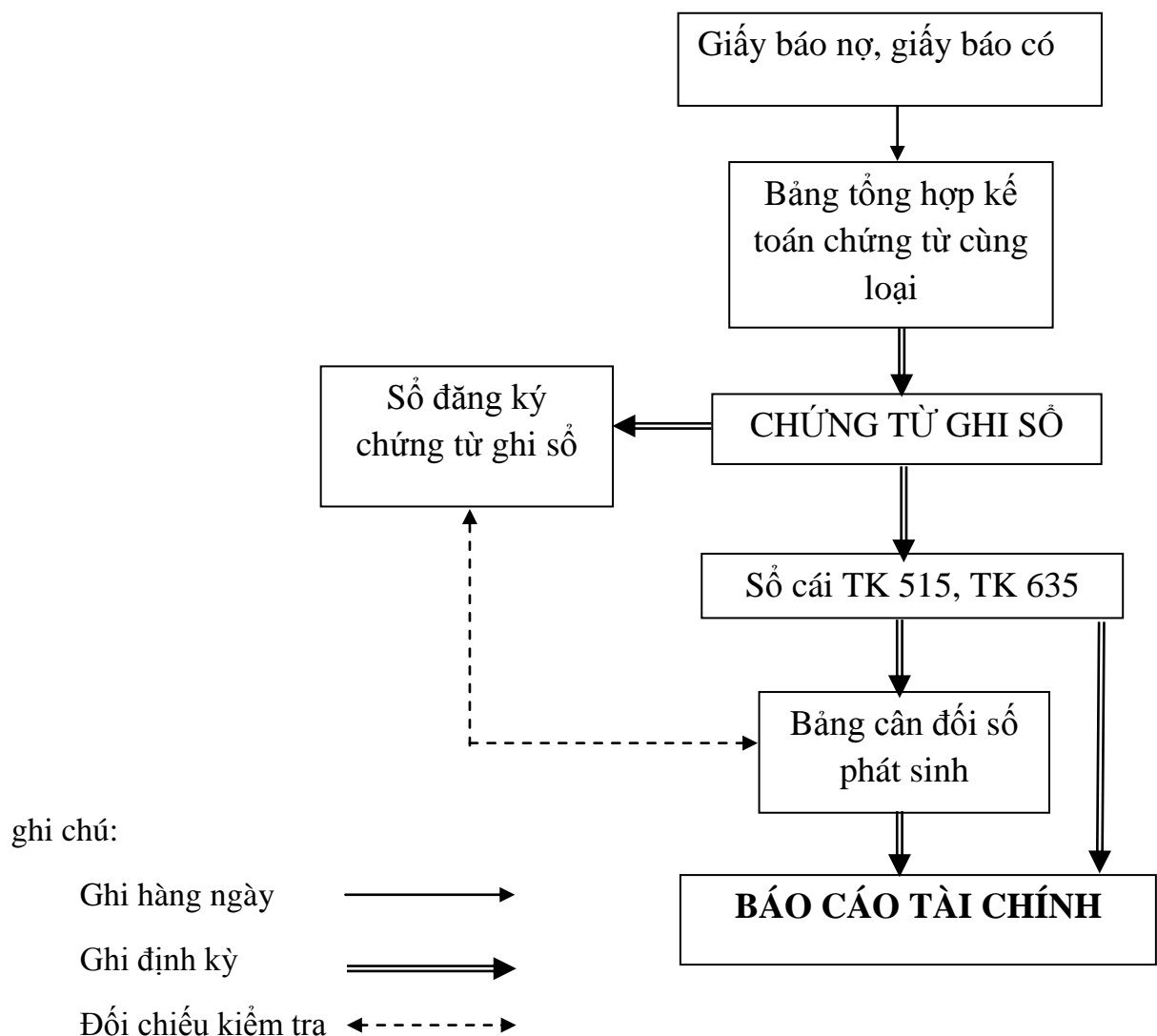
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Sổ phụ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635- Chi phí tài chính

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu HĐ TC và chi phí tài chính



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng, phiếu thu, phiếu chi... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

- Cuối tháng, kế toán lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515, 635

- Cuối kỳ, từ sổ cái các TK 515, TK 635 làm căn cứ để lập bảng cân đối sổ phát sinh, đồng thời lập BCTC.

Ví dụ 2.3:

a. Ngày 25/12, ngân hàng Á Châu thông báo nhận lãi tiền gửi tháng 12/2014. Số tiền 1.190.519 VND

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 1.190.519

Có TK 515: 1.190.519

- Căn cứ vào giấy báo có ngày 25/12/2014 của ngân hàng Á Châu kế toán lập các chứng từ ghi sổ từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 515

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối sổ phát sinh và lập BCTC

b. Ngày 28/12, trả lãi vay ngoài tháng 12 năm 2014, số tiền là 2.037.417 VND

➤ Kế toán định khoản

Nợ 635: 2.037.417

Có 111: 2.037.417

- Căn cứ vào số liệu phát sinh kế toán tiến hành lập phiếu chi

- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ, từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái TK 635 và lập bảng cân đối sổ phát sinh đồng thời lập BCTC.

Biểu số 2.18: Giấy báo có

Ngân Hàng A Châu

GIAY BAO CO

Chi nhánh: ACB – CN
THUY NGUYEN

Ngày 25-12-2014

Ma GDV: Phạm Thị Bích Hồng

So GD: 53

Kính gửi: công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Ma so thue:0200568329

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

So tai khoan ghi CO: 117388999

So tien bang so: 1.190.159

So tien bang chu: MOT TRIEU MOT TRAM CHIN MUOI NGHIN MOT TRAM NAM CHIN DONG CHAN

Nội dung: lai tien gui ngân hàng A Châu

Giao dịch viên
(ky, họ tên)

Kiểm soát
(ky, họ tên)

Biểu số 2.19: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
...
Khách hàng trả tiền	112	131	1.333.690.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	4.347.911
...
Cộng			1.869.842.321

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDDK				
	
31/11	25/11	31/11	Lãi tiền gửi ngân hàng T11/2014	112		5.232.214	
31/12	19/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12/2014	112		4.347.911	
		
31/12	36/12	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	48.780.544		
			Tổng phát sinh		48.780.544	48.780.544	
			SDCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.21: Phiếu chi

*Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP*

Mẫu số: 02-TT
*Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC*

PHIẾU CHI

số: 89/12

Ngày 28 tháng 12 năm 2014

Nợ: 635

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: trần Thị Thi

Địa chỉ: Phòng tài chính – kế toán

Lý do chi: trả tiền lãi vay

Số tiền: 2.037.417

Kèm theo: Chứng từ gốc:...

Đã nhận đủ tiền(viết bằng chữ): ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm mười bảy đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 20/12

Ngày 31/12/2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
...
Trả lãi tiền vay	635	111	7.491.625
Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	331	111	638.877.650
...
Cộng			3.457.433.621

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 635

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02c1- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SĐĐK				
...	
31/11	17/11	31/11	Trả lãi tiền vay tháng 11/2014	111	5.988.900		
31/12	20/12	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2014	111	7.491.625		
		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC			72.187.612	
			Tổng phát sinh		72.187.612	72.187.612	
			SĐCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.24: Trích sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02b- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	78.895.000
....
13/12	31/12	3.965.956.700
14/12	31/12	593.893.585
15/12	31/12	401.115.727
...
19/12	31/12	1.869.842.321
20/12	31/12	3.457.433.621
21/12	31/12	974.893.040
22/12	31/12	1.145.048.438
23/12	31/12	86.996.942
24/12	31/12	20.021.054
...
36/12	31/12	19.579.227.728
37/12	31/12	19.579.227.728
Cộng		126.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng trong năm 2014 không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi công ty có lãi, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán:

Nợ TK 821

Có TK 3334

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán. Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

➤ Cách xác định kết quả kinh doanh

Mô tả các chỉ tiêu và cách tính:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 19.530.447.184
- Doanh thu HĐTC: 48.780.544
- Giá vốn hàng bán: 17.286.731.384
- Chi phí tài chính: 72.187.612
- Chi phí bán hàng: 214.065.620
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 559.273.800

LN từ

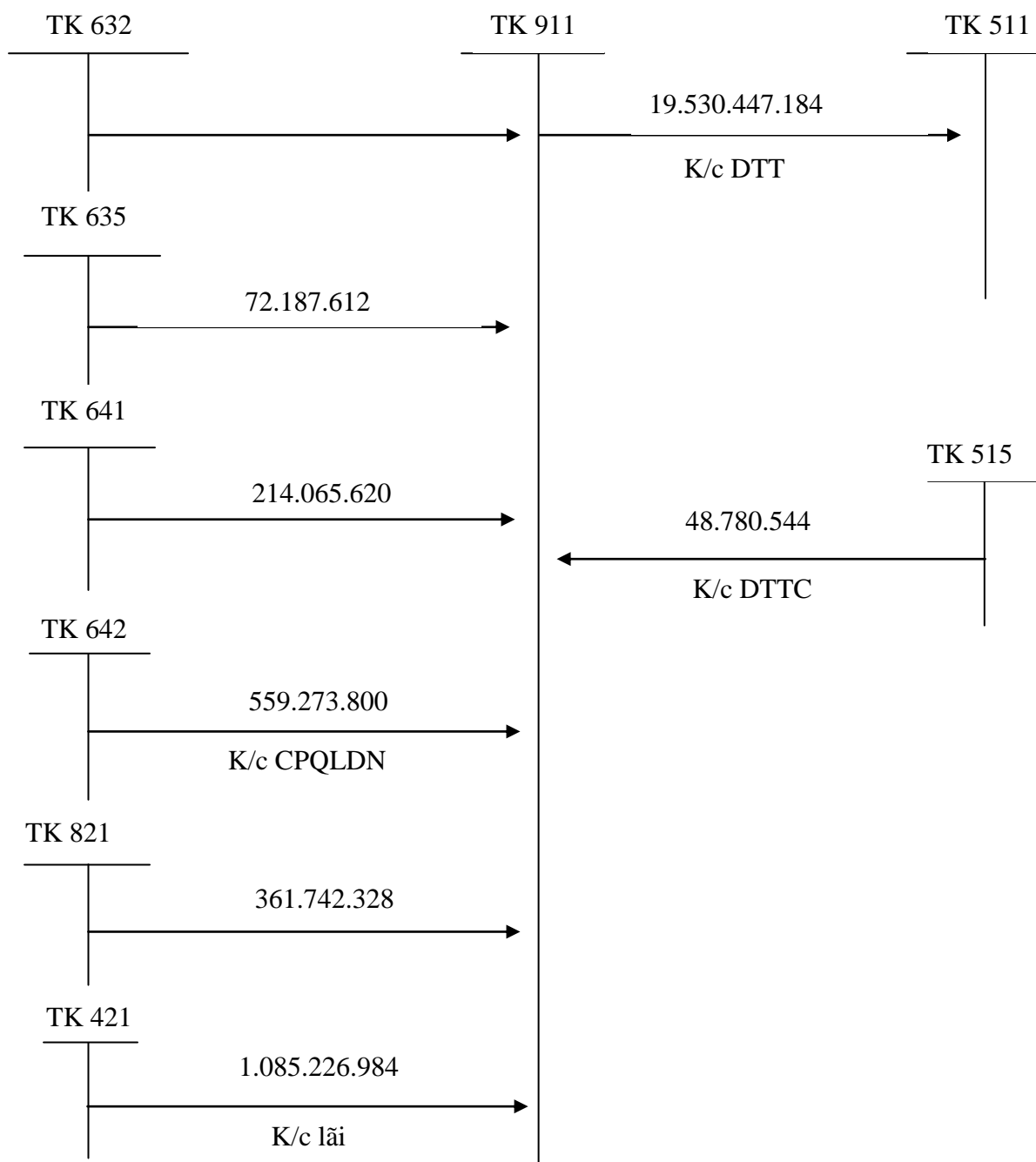
BH và = 19.530.447.184 - 17.286.731.384 - 214.065.620 - 559.273.800 = 1.470.376.380

CCDV

Lợi nhuận từ
HD tài chính = 48.780.544 - 72.187.612 = (23.407.068)

Tổng lợi nhuận
kế toán trước
thuế = 1.470.376.380 + (23.407.068) = 1.446.969.312

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ngày 31/12/2014 kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2014

Bút toán kế chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu. Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, giá vốn, từ phiếu kế toán kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 911.

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán*Đơn vị: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng**Địa chỉ: 154 Nguyễn Bình Khiêm- Hải An – Hải Phòng***PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số hiệu:88

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	19.530.447.184	
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	48.780.544	
Cộng			19.579.227.728	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Người lập phiếu
(ký. Họ tên)

Biểu số 2.26: Phiếu kê toán

Đơn vị: Công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng

Địa chỉ: 154 Nguyễn Bình Khiêm- Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KÊ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số hiệu: 89

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	17.286.731.384	
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	72.187.612	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	214.065.620	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	559.273.800	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	361.742.328	
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	1.085.226.984	
Cộng			19.579.227.728	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)Người lập phiếu
(ký. Họ tên)

Biểu số 2.27: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02a- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 36/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	19.530.447.184
Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	48.780.544
Cộng			19.579.227.728

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.28: Trích chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02a- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:37/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
A	B	C	1
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	17.286.731.384
Kết chuyển CPHĐTC	911	635	72.187.612
Kết chuyển CPBH	911	641	214.065.620
Kết chuyển CPQLDN	911	642	559.273.800
Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	361.742.328
Kết chuyển LNST	911	421	1.085.226.984
Cộng			19.579.227.728

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.29: Trích sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: S02b- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	78.895.000
....
13/12	31/12	3.965.956.700
14/12	31/12	593.893.585
15/12	31/12	401.115.727
...
19/12	31/12	1.869.842.321
20/12	31/12	3.457.433.621
21/12	31/12	974.893.040
22/12	31/12	1.145.048.438
23/12	31/12	86.996.942
24/12	31/12	20.021.054
...
36/12	31/12	19.579.227.728
37/12	31/12	19.579.227.728
Cộng		126.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDDK				
31/12	36/12	31/12	Kết chuyển DT bán hàng	511		19.530.447.184	
31/12	36/12	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515		48.780.544	
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	17.286.731.384		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	72.187.612		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	214.065.620		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	559.273.800		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	361.742.328		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển LNST	421	1.085.226.984		
			Cộng phát sinh		19.579.227.728	19.579.227.728	
			SDCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: S02c1- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SDĐK				
31/12	35/12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	361.742.328		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		361.742.328	
			Cộng phát sinh		361.742.328	361.742.328	
			SDCK				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.32: Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG
Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An –HP

Mẫu số: 02c1- DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
			SĐĐK			395.748.930	
...		
31/12	37/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		1.085.226.984	
			Cộng phát sinh		197.650.000	1.085.226.984	
			SDCK			1.283.325.914	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(ký, họ và tên)

Biểu số 2.33: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG

Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – HP

Mẫu số: B02-DN

Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu BH và CCDV	01	VI.25	19.530.447.184	14.669.332.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về BH và CCDV	10		19.530.447.184	14.669.332.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	17.286.731.384	13.147.196.360
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	20		2.243.715.800	1.522.136.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	48.780.544	34.354.068
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	72.187.612	65.748.180
8. Chi phí bán hàng	24		214.065.620	100.385.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		559.273.800	416.262.200
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		1.446.969.312	974.094.548
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.446.969.312	974.094.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	361.742.328	243.523.637
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.085.226.984	730.570.911
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG****3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng****3.1.1. Ưu điểm**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn.

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính chuẩn mực kế toán. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán.

- Về chứng từ sổ sách kế toán: Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ các chứng từ gốc các sổ sử dụng và bảng phân bổ được phân bổ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ thống nhất cùng công ty.

- Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Việc hạch toán doanh thu, giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp và NSNN. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế giá trị gia tăng do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện.

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Bên cạnh đó bộ máy kế toán của công ty chủ yếu là những đội ngũ nhân viên trẻ, trình độ chuyên môn từ trung cấp đến cao đẳng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán nên hiệu quả công việc chưa cao, không đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán:

- Việc ghi sổ sách kế toán tại công ty còn những điều chưa hợp lý. Nhiều sổ sách cần thiết nhưng công ty không sử dụng như sổ chi tiết bán hàng, giá vốn...

- Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán công ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nên nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

- Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài chính kế toán để xử lý

làm cho chúng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chúng từ khi về cùng một lúc.

- Việc áp dụng chính sách thu hồi nợ

- Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với tổng tài sản của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng qua vốn không được hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Hiện nay công ty cũng không có chính sách chiết khấu thanh toán. Cho khách hàng hưởng các chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây ra khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

- Trích lập nợ phải thu khó đòi: có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác đầy đủ kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập chọn lựa thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất
 - Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.
 - Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
 - Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

3.2.3.1. Ý kiến 1: Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm

Hiện nay công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn và thanh toán sớm. Vì vậy, để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được những khách hàng lâu năm, để tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

❖ Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng giá trị lớn công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.
- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp có cùng mặt hàng với công ty.

Đề hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521- Chiết khấu thương mại. khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này khi mà người mua được hưởng. trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn cuối cùng. Trường hợp khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – CKTM (số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 – trả lại khách hàng bằng tiền

Có TK 131 – trừ vào nợ phải thu

- Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác nhận doanh thu thuần.

Nợ TK 511- Số CKTM thực tế phát sinh trong kỳ

Có TK 521 – Số CKTM thực tế phát sinh trong kỳ

❖ Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trên hợp đồng hoặc trong bản cam kết. số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- chi phí hoạt động tài chính.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi suất cho vay của ngân hàng

❖ Tỷ lệ cụ thể:

Thời hạn trả trước	Tỷ lệ chiết khấu
Trả trước ½ tháng	0,7% / tháng
Trả trước 1 tháng	0,9% / tháng
Trả trước 2 tháng	1% / tháng

Hạch toán chiết khấu thanh toán

Nợ TK 635

Có TK 131 – trừ vào công nợ phải thu

Có TK 111,112 – chi trả bằng tiền cho khách hàng

Với các biện pháp khuyến mại này không những công ty có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng được khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2.3.2. Ý kiến 2: Hoàn thiện về việc tăng cường công tác thu hồi nợ

❖ Chính sách thu hồi nợ:

Hiện nay công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng là một doanh nghiệp có lượng khách tương đối nhiều, việc bán hàng khổng lồ tránh khỏi các khoản nợ của khách hàng, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty. Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra những biện pháp:

- Giao nhiệm vụ cho kế toán để quản lý chặt chẽ và chi tiết các khoản nợ phải thu.
- Đến hạn trả tiền mà khách hàng chưa trả tiền thì Doanh Nghiệp nên đến các công ty đó để thông báo và xác nhận lại các khoản nợ của khách hàng.
- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát sao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại
- + Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp hiện không áp dụng các chính sách cần thiết trong việc thu hồi nợ một cách nhanh chóng dẫn đến việc khó khăn trong công tác thu hồi các khoản nợ. do đó, doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách chiết khấu thanh toán: Là một trong những biện pháp nhằm nâng cao

năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.2.3.3. Ý kiến 3: Hoàn thiện về sổ sách kế toán

Do danh mục hàng hóa của DN khá đa dạng. do vậy theo em công ty nên lập thêm sổ chi tiết tài khoản... như vậy bộ phận kế toán sẽ dễ dàng hơn trong việc quản lý sổ sách chứng từ và sẽ xác định được mặt hàng kinh doanh nào mang lại hiệu quả cao nhất.

Ví dụ: sổ chi tiết TK 511, TK 632 của đối tượng mặt hàng thùng carton 3L

Bảng 3.1: Sổ chi tiết TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG

Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số: S38- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng: Doanh thu tiêu thụ Sản phẩm thùng carton 3L

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
...		
19/12	HĐ0149425	19/12	Bán hàng cho Công ty TNHH IHOTECH Việt Nam	131		82.200.000		
20/12	HĐ0149439	20/12	Bán hàng cho công ty Sao Biển	131		13.700.000		
...		
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	1.013.564.988			
			Cộng số phát sinh		1.013.564.988	1.013.564.988		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Bảng 3.2: Sổ chi tiết TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN VÀ QUẢNG CÁO TRƯỜNG HỒNG

Địa chỉ: số 1054 Nguyễn Bình Khiêm – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số: S38- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Đối tượng: Giá vốn hàng bán Sản phẩm thùng carton 3L

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
...			
19/12	HĐ0149425	19/12	Bán hàng cho Công ty TNHH IHOTECH Việt Nam	155	69.300.000			
20/12	HĐ0149439	20/12	Bán hàng cho công ty Sao Biển	155	11.750.000			
...			
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		861.900.154		
			Cộng số phát sinh		861.900.154	861.900.154		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

3.2.3.4. Ý kiến 4: Hoàn thiện về việc trích lập phải thu khó đòi

Hiện nay so với quy mô của doanh nghiệp thì các khoản nợ phải thu của khách hàng tại công ty là tương đối lớn điều này không chỉ gây khó khăn cho công ty trong công việc huy động vốn mà còn gây trở ngại lớn đến vấn đề đầu tư của doanh nghiệp. Vì vậy, bên cạnh việc công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm thì đồng thời công ty cũng nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm giúp cho tình hình tài chính của công ty có thể tự chủ được và không bị biến động nhiều khi có những khoản nợ không đòi được.

Dự phòng phải thu khó đòi là: dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đòi chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ và các chứng khác.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ thu khó đòi:

- + nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

- + nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản không đủ căn cứ để xác định nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Phương pháp dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT - BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
$1 \text{ năm} \leq t < 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
$2 \text{ năm} \leq t < 3 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$\geq 3 \text{ năm}$	100% giá trị phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK sử dụng TK 139: dự phòng phải thu khó đòi

- Phương pháp hạch toán:

- Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N + 1

Nợ TK 642

Có TK 139

- Trong năm N + 1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Nợ TK 642

Có TK 131, 138...

Đồng thời ghi nợ TK 004

- Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

- Tại ngày 31/12/N + 1
+ nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản nợ dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Ví dụ: trích lập dự phòng phải thu khó đòi của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.

Bảng 3.3: Bảng tổng hợp công nợ**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ**

Ngày 31/12/2014

Tên khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ						Không đòi được ...
		Chưa đến hạn trả	Đến hạn trả	Quá hạn trả				
				6 tháng $\leq t <$ 1 năm	1 năm $\leq t <$ 2 năm	2 năm $\leq t <$ 3 năm	≥ 3 năm	
...		
Công ty TNHH gôm XD Đá bặc	237.568.000	125.460.000	112.108.000					
Công ty cổ phần Bình Minh	546.493.639	373.540.350	75,076.300	97.876.980				
...		
Cộng	2.577.215.570	1.030.238.960	950.436.250	267.933.800	204.050.520	124.556.040		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

- Kế toán tính toán được mức trích lập dự phòng là:

$$267.933.800 \times 30\% + 204.050.520 \times 50\% + 124.556.040 \times 70\% = 269.594.628$$

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 269.594.628

Có TK 139: 269.594.628

3.2.3.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về việc ứng dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán tại công ty

Trong thời kỳ công nghệ thông tin hiện đại ngày càng phát triển, phần mềm KT được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Nhưng công ty vẫn chỉ sử dụng phần mềm excel để hỗ trợ trong công việc nên chưa mang lại hiệu quả cao. Do đó, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu. các phần mềm kế toán được nhiều công ty sử dụng hiện nay như: Misa, Admin, Acsoft... các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của công ty như: đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý.

Ví dụ:

❖ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho các loại hình doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt.
- Bám sát chế độ kế toán, các biểu mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống kế toán đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít khi xảy ra các sai sót bất thường

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu và doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Trong quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại **công ty TNHH in và quảng cáo trường Hồng** em đã quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng” làm đề tài thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình. Trong bài khóa luận này em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn **Ths. Phạm Văn Tường** và toàn thể cán bộ nhân viên trong phòng kế toán của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Hải phòng, ngày 5 tháng 7 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Thúy Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Chế độ kế toán doanh nghiệp”, Bộ Tài Chính.2009. Hà Nội, Nhà xuất bản Tài Chính.
2. Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
3. PGS.TS Võ Văn Nhị, “ 26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp”, 2006. Nhà xuất bản Lao động xã hội.
4. GS.TS Đặng Thị Loan, “ giáo trình kế toántài chính trong các doanh nghiệp”, 2009. Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
5. Tài liệu sổ sách, báo cáo tài chính năm 2013 và năm 2014 của công ty TNHH in và quảng cáo Trường Hồng.
6. Thông tin từ website: www.ketoan.org, www.webketoan.com.